

Bản tin chứng khoán

Trong số này

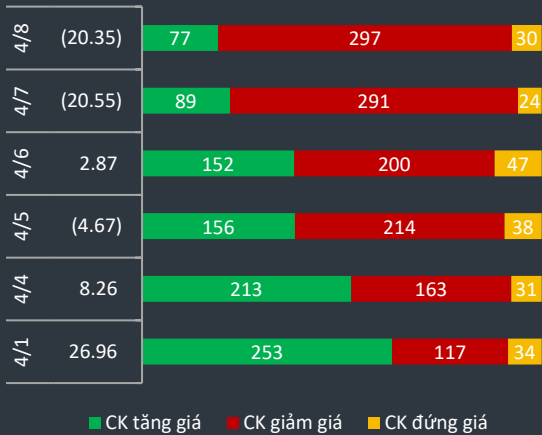
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

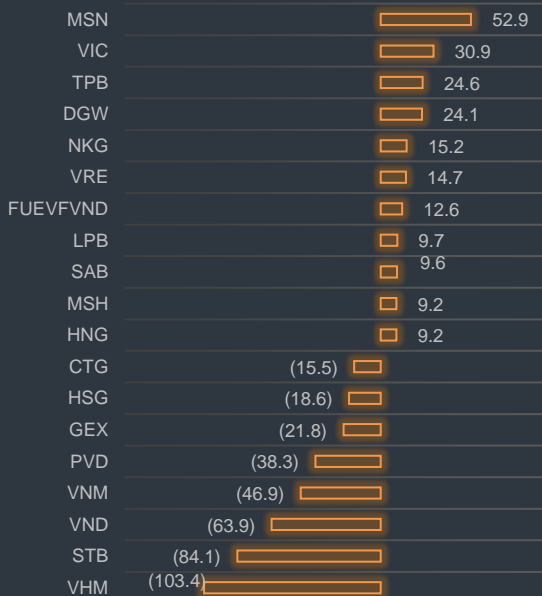
Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



HAH: Ngày 26/4, CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An (mã chứng khoán HAH - sàn HOSE) sẽ chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2021 bằng tiền và cổ phiếu. Trong đó, HAH sẽ phát hành hơn 19,5 triệu cổ phiếu để trả cổ tức theo tỷ lệ 40% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 40 cổ phiếu mới). Đồng thời trả cổ tức bằng tiền, tỷ lệ 10%. Trong năm 2022, HAH đặt kế hoạch sẽ trả cổ tức tỷ lệ 30% (10% bằng tiền mặt và 20% bằng tiền cổ phiếu).

Trong năm 2022, Công ty dự kiến tổng sản lượng khai thác năm 2022 là 948.000 TEU. Trong đó khai thác cảng là 411.000 TEU; khai thác tàu là 395.000 TEU; sản lượng Depot là 142.000 TEU. Tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đề ra lần lượt là gần 2.388 tỷ đồng và 550 tỷ đồng, tăng 19% và 23% so với năm trước.

BVB: Ngày 8/4/2022, Ngân hàng Bản Việt tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) với nhiều nội dung quan trọng được đệ trình và thông qua. Các cổ đông đã đồng thuận cùng với kế hoạch tài chính, cụ thể: tổng tài sản tăng 27%, đạt 97 nghìn tỷ đồng; huy động vốn từ tổ chức kinh tế và dân cư hơn 71 nghìn tỷ đồng, tăng 28%; dư nợ cấp tín dụng đạt hơn 53 nghìn tỷ đồng, tăng 15% (tốc độ tăng trưởng tín dụng phụ thuộc vào sự chấp thuận của NHNN); lợi nhuận trước thuế đạt 450 tỷ đồng, tăng 44%. Trong năm 2022, kế hoạch phát triển mạng lưới của ngân hàng tăng thêm 15 điểm giao dịch, nâng tổng số lên 131 đơn vị trên toàn hệ thống.

Phiên giao dịch cuối tuần trước khi nghỉ lễ tiếp tục âm đạm và tương tự như phiên trước đó – áp lực bán gia tăng mạnh từ cuối phiên trở đi. Thanh khoản trong ngày đạt trên 22 ngàn tỷ riêng sàn HOSE giảm thêm 11% so với phiên trước. Dòng tiền giảm mạnh ở nhóm cổ phiếu hóa chất, phân bón, logistic, bất động sản nhưng gia tăng khoảng 15% ở các nhóm cổ phiếu ngân hàng và chứng khoán.

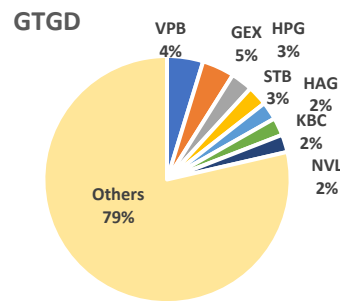
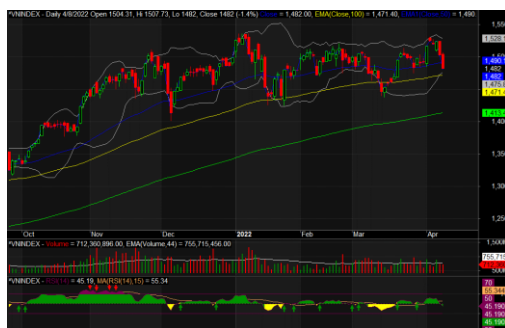
Độ rộng thị trường vẫn bị nén rất sâu với gần 300 mã giảm so với chỉ 77 mã xanh. Một số cổ phiếu blue chip vẫn đứng vững và xanh nhẹ trong ngày như VIC, BCM, VJC, REE, NVL, ACB.

Vnindex 1482

▼ -20.35 (-1.35%)

Biến động Big Cap

| CP | Giá | +/- | % |
|-----|-------|-------|--------|
| VIC | 81.7 | 2.2 | 2.77 |
| BCM | 74.0 | 1.4 | 1.93 |
| VJC | 138.4 | 1.4 | 1.02 |
| REE | 81.8 | 0.8 | 0.99 |
| NVL | 85.4 | 0.8 | 0.95 |
| ACB | 33.9 | 0.3 | 0.74 |
| VHM | 75.1 | 0.1 | 0.13 |
| VCB | 83.0 | - | - |
| HPG | 46.4 | (0.2) | (0.32) |
| DHG | 106.2 | (0.5) | (0.47) |
| PNJ | 114.5 | (0.6) | (0.52) |
| PLX | 56.2 | (0.4) | (0.71) |
| TCB | 48.9 | (0.5) | (0.91) |
| VRE | 32.2 | (0.5) | (1.38) |
| SAB | 164.2 | (2.3) | (1.38) |
| BVH | 63.5 | (0.9) | (1.40) |
| MBB | 33.2 | (0.5) | (1.48) |
| VNM | 77.3 | (1.2) | (1.53) |
| CTG | 32.1 | (0.5) | (1.54) |
| MSN | 148.5 | (2.5) | (1.66) |
| PDR | 91.0 | (1.6) | (1.73) |
| TPB | 40.2 | (0.8) | (1.95) |
| HDB | 28.3 | (0.7) | (2.25) |
| GAS | 110.2 | (2.6) | (2.31) |
| SSI | 43.0 | (1.1) | (2.38) |
| HVN | 24.1 | (0.6) | (2.43) |
| VPB | 38.8 | (1.0) | (2.51) |
| BID | 41.9 | (1.2) | (2.67) |
| POW | 16.2 | (0.5) | (2.70) |
| STB | 31.0 | (0.9) | (2.82) |
| MWG | 150.0 | (5.0) | (3.23) |
| VIB | 45.0 | (1.7) | (3.64) |
| GVR | 34.9 | (1.5) | (3.99) |
| FPT | 108.5 | (4.8) | (4.24) |



Thị trường có phiên mất thêm 20 điểm thứ hai và tính chung cả tuần qua chỉ số Vnindex đã mất 50 điểm và chính thức mất mốc 1500. Thanh khoản thị trường có phần suy giảm nhẹ nhưng chưa đến mức nghiêm trọng. Thông tin liên tục trong cả tuần qua liên quan đến hoạt động trái phiếu doanh nghiệp và cả một số hoạt động đầu cơ làm giá cổ phiếu đã làm thị trường trở nên nhạy cảm rất nhanh với các tin đồn. Hàng loạt cổ phiếu đã bị ảnh hưởng và giảm sàn vừa qua như KBC, HSG, TIP, GEX, DIG ... Về ngắn hạn nhóm ngành bất động sản vẫn khá nhạy cảm vì vậy nhà đầu tư hạn chế giải ngân vào nhóm này. Một số cổ phiếu BĐS chất lượng đã rơi khá sâu và gần chạm các vùng hỗ trợ như KDH, HDG, NLG, SCR, SZC, GVR vì vậy nhà đầu tư tiếp tục theo dõi để chờ điểm mua phù hợp.

Xu hướng điều chỉnh của thị trường khả năng còn tiếp tục trong các phiên tới tuy nhiên chúng tôi kỳ vọng đáy thị trường sẽ không xa mốc hiện tại. Một số cổ phiếu chờ tích lũy trở lại trong các phiên tới có thể lưu ý: FPT, HAH, TNG, TCM, VPB, VIB, VND, DPM.

Danh mục nắm giữ trung hạn

| Ticker | Close | % so với tuần trước | Hỗ trợ | Kháng cự | Note | Ngày đưa vào DM | Lãi / Lỗ |
|--------|-------|---------------------|--------|----------|--------------------------------------|-----------------|----------|
| HDB | 28.3 | (4.1) | 27 | 37 | Mua quanh 28-29. Mục tiêu 37 | 3/31/2022 | -0.9% |
| VPB | 38.8 | 0.5 | 35 | 45 | Mua mới quanh 37-38. Mục tiêu 45 | 2/25/2022 | 2.9% |
| TCM | 72.7 | (4.6) | 60 | 100 | Mua mới quanh 65-67. Mục tiêu 100 | 2/18/2022 | 8.5% |
| HPG | 46.4 | 1.5 | 40 | 60 | Mua mới quanh 45 | 2/8/2022 | 3.1% |
| FTS | 61.4 | 6.8 | 50 | 60 | Mua mới quanh 50-53. Mục tiêu 70 | 2/7/2022 | 18.1% |
| TNG | 36.9 | (5.1) | 24 | 40 | Mua mới quanh 27-29. Mục tiêu 40 | 2/7/2022 | 27.2% |
| DPM | 63.8 | (7.5) | 35 | 75 | Mua mới quanh 40-42. Mục tiêu 75 | 2/7/2022 | 51.9% |
| VCI | 56.0 | (2.6) | 50 | 75 | Mua mới quanh 55-57. Mục tiêu 75 | 1/18/2022 | -3.4% |
| GVR | 34.9 | 0.9 | 28 | 40 | Mua mới quanh 30. Mục tiêu 45 | 1/20/2022 | 8.9% |
| REE | 81.8 | (2.7) | 60 | 90 | Mua mới quanh 62-64. Mục tiêu 80 | 1/20/2022 | 25.8% |
| NLG | 53.8 | (6.1) | 53 | 65 | Mua mới quanh 52, Cắt lỗ nếu dưới 50 | 1/20/2022 | 1.5% |
| OCB | 25.8 | 0.4 | 24 | 35 | Mua quanh 25-26. Mục tiêu 34 | 1/13/2022 | -0.8% |
| TCB | 48.9 | (2.9) | 40 | 65 | Mua mới quanh 50, mục tiêu 65 | 1/13/2022 | -2.3% |
| CTG | 32.1 | (3.0) | 30 | 45 | Mua mới quanh 33-35, Mục tiêu 45 | 1/13/2022 | -8.4% |
| STK | 57.6 | (3.0) | 50 | 70 | Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70 | 1/13/2022 | 8.7% |
| VIB | 45.0 | (6.1) | 40 | 60 | Mua quanh 45-47. Mục tiêu 60 | 1/4/2022 | -4.3% |
| MBB | 33.2 | (0.3) | 25 | 35 | Nắm giữ, mục tiêu 37 | 1/4/2022 | 14.5% |
| MWG | 150.0 | (3.8) | 125 | 160 | Mua quanh 130-135. | 1/4/2022 | 11.1% |

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Tăng trưởng ngành trong ngày

| | |
|-----------------------|--------|
| Bao bì | 0.25 |
| Nước | 0.24 |
| Y tế | (0.03) |
| Truyền thông | (0.20) |
| Dệt May | (0.82) |
| Du lịch và Giải trí | (1.01) |
| Thực phẩm và đồ... | (1.06) |
| Điện | (1.15) |
| Hàng cá nhân & Gia... | (1.19) |
| Vận tải - Logistics | (1.32) |
| Thủy sản | (1.40) |
| Vật liệu xây dựng | (1.48) |
| Ngân hàng | (1.50) |
| Xây dựng | (1.68) |
| Hóa chất | (1.73) |
| Hàng & Dịch vụ... | (1.77) |
| Bảo hiểm | (1.91) |
| Phân bón | (1.95) |
| Tài nguyên Cơ bản | (2.05) |
| Cao su | (2.17) |
| Bất động sản KCN | (2.29) |
| Bán lẻ | (2.35) |
| Bất động sản | (2.51) |
| Viễn thông | (2.54) |
| Ô tô và phụ tùng | (2.60) |
| Dịch vụ tài chính | (2.60) |
| Khoáng sản | (2.68) |
| Dầu khí | (2.68) |
| Sản xuất và KD Thép | (14) |
| Công nghệ Thông tin | (3.77) |

SAB - Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn - Năm 2022, SAB dự kiến đạt kế hoạch doanh thu thuần 34.791 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 4.581 tỷ đồng, lần lượt tăng trưởng 32% và 17% so với thực hiện trong năm 2021.

NKG - CTCP Thép Nam Kim - Đã thông qua đầu tư 4.500 tỷ đồng vào nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ. Dự án mới có tên (dự kiến) Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ địa chỉ tại KCN Mỹ Xuân B1 - Đại Dương. Tổng công suất nhà máy dự kiến 1.200.000 tấn/năm. Tổng vốn đầu tư là 4.500 tỷ đồng.

TTA - Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành - Năm 2022, công ty đặt kế hoạch doanh thu 680 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 130 tỷ đồng và cổ tức dự kiến 8%. Như vậy, ước tính kế hoạch lợi nhuận đi ngang so với thực hiện trong năm 2021.

TNI - Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam - Năm 2022, Thành Nam đặt mục tiêu doanh thu đạt 1.947 tỷ đồng, tăng 2,2% so với thực hiện năm 2021 và lợi nhuận sau thuế chuyển từ lỗ hơn 16,2 tỷ đồng sang có lãi 3,88 tỷ đồng.

FDC - CTCP Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP.HCM - Công ty dự kiến chào bán 77,2 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.500 đồng/cổ phiếu để huy động 811,09 tỷ đồng. Trong đó, tỷ lệ phát hành dự kiến 1:2, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 2 cổ phiếu mới với giá 10.500 đồng. Thời gian triển khai dự kiến trong quý II/2022 và/hoặc quý III/2022.

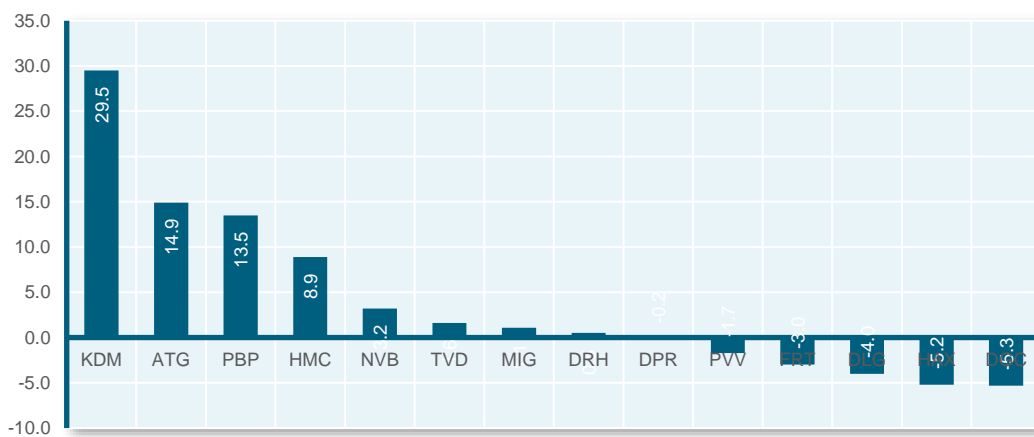
VOS - CTCP Vận tải biển Việt Nam - VOSCO - Năm 2022, VOS đặt mục tiêu sản lượng vận chuyển đạt hơn 6,15 triệu tấn, tăng 3,81% so với thực hiện năm 2021. Theo đó, tổng doanh thu doanh nghiệp đạt 1.570 tỷ đồng, giảm 9%; trong đó, doanh thu vận tải đạt 1.444 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế cũng giảm 22,6%, xuống 391 tỷ đồng.

FCN - CTCP FECON - Năm 2022, FCN đặt kế hoạch doanh thu hợp nhất đạt 5.000 tỷ đồng, tăng 44% so với thực hiện năm 2021 và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 280 tỷ đồng, tăng 296%. Về phía Công ty mẹ, FCN dự kiến doanh thu đạt 3.080 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 80 tỷ đồng, lần lượt tăng 27% và 67%.

REE - CTCP Cơ Điện Lạnh - Ngày 19/4 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 20/4. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 29/4/2022.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

| Mã CK | Sàn | Giá đóng cửa | % so với đầu năm | KLGD | P/E | P/B | KL NN Mua | KL NN Bán | EPS | Book Value |
|-------|-------|--------------|------------------|-------------|-------|------|-----------|-----------|-------|------------|
| ACB | HOSE | 33.9 | -1.6% | 8,904,400 | 8.7 | 2.0 | - | - | 3,900 | 16,618 |
| BID | HOSE | 41.9 | 12.0% | 3,146,100 | 16.0 | 2.5 | 33,100 | 44,300 | 2,623 | 17,073 |
| CTG | HOSE | 32.1 | -7.9% | 5,331,500 | 9.6 | 1.6 | 43,700 | 527,800 | 3,338 | 19,488 |
| EIB | HOSE | 35.1 | 3.5% | 601,600 | 44.7 | 2.4 | 13,500 | 4,800 | 785 | 14,466 |
| HDB | HOSE | 28.3 | -9.2% | 2,462,900 | 8.1 | 1.8 | 65,300 | 85,800 | 3,497 | 15,455 |
| LPB | HOSE | 20.1 | -1.0% | 4,062,000 | 7.9 | 1.4 | 514,500 | 32,500 | 2,543 | 13,960 |
| MBB | HOSE | 33.2 | 14.1% | 11,429,800 | 8.5 | 2.0 | - | 16,800 | 3,904 | 16,538 |
| MSB | HOSE | 25.7 | -9.7% | 2,435,600 | 7.8 | 1.8 | - | - | 3,292 | 14,427 |
| OCB | HOSE | 25.8 | -7.9% | 1,121,000 | 7.1 | 1.6 | 100 | 5,300 | 3,636 | 15,917 |
| SHB | HOSE | 20.0 | -11.1% | 18,300,100 | 7.6 | 1.5 | 22,800 | 120,200 | 2,635 | 13,323 |
| SSB | HOSE | 37.8 | -10.8% | 2,561,800 | 18.8 | 3.0 | 800 | 38,100 | 2,015 | 12,623 |
| STB | HOSE | 31.0 | -3.4% | 18,745,300 | 16.7 | 1.7 | 157,800 | 2,869,800 | 1,856 | 18,174 |
| TCB | HOSE | 48.9 | -4.0% | 7,030,100 | 9.5 | 1.8 | - | - | 5,144 | 26,505 |
| TPB | HOSE | 40.2 | -6.1% | 3,486,300 | 9.1 | 2.4 | 638,400 | 26,800 | 4,404 | 16,429 |
| VCB | HOSE | 83.0 | 5.1% | 788,200 | 14.1 | 2.8 | 402,800 | 458,700 | 5,907 | 29,974 |
| VIB | HOSE | 45.0 | -5.7% | 1,430,500 | 9.5 | 2.9 | 100 | - | 4,727 | 15,640 |
| VPB | HOSE | 38.8 | 7.8% | 23,996,600 | 9.6 | 2.0 | - | - | 4,037 | 19,408 |
| BAB | HNX | 22.0 | -3.5% | 12,500 | 21.6 | 1.8 | - | - | 1,018 | 12,018 |
| NVB | HNX | 39.2 | 18.8% | 62,500 | - | 3.7 | - | 45,000 | 3 | 10,482 |
| VBB | UPCOM | 16.0 | -16.2% | 17,600 | 14.3 | 1.3 | - | - | 1,119 | 12,017 |
| VAB | UPCOM | 14.0 | -5.4% | 243,300 | 9.5 | 1.0 | 3,200 | - | 1,477 | 14,341 |
| SGB | UPCOM | 18.2 | -2.2% | 58,700 | - | 1.5 | - | - | 398 | 12,042 |
| PGB | UPCOM | 33.0 | -1.8% | 231,900 | 37.6 | 2.4 | - | - | 878 | 13,940 |
| NAB | UPCOM | 19.6 | -1.0% | 152,700 | - | - | - | - | 3,124 | 15,630 |
| KLB | UPCOM | 33.1 | 29.8% | 45,700 | 14.0 | 2.6 | - | - | 2,356 | 12,945 |
| BVB | UPCOM | 19.6 | -14.8% | 761,600 | 28.0 | 1.6 | 6,000 | - | 700 | 12,637 |
| ABB | UPCOM | 15.8 | -3.7% | 2,170,700 | 5.8 | 0.8 | 1,000 | - | 2,731 | 20,530 |
| | | | | 119,591,000 | 14.33 | 2.00 | 1,903,100 | 4,275,900 | 2,668 | 16,022 |



Lịch trả cổ tức:

| STT | Mã CK | Sàn | Ngày GDKHQ ▼ | Ngày ĐKCC | Ngày thực hiện | Nội dung sự kiện | Loại Sự kiện |
|-----|-------|-------|--------------|------------|----------------|---|--------------------------|
| 1 | PRC | HNX | 25/04/2022 | 26/04/2022 | 18/05/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 2 | TB8 | UPCoM | 22/04/2022 | 25/04/2022 | 10/5/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 3 | BTU | UPCoM | 20/04/2022 | 21/04/2022 | 4/5/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 600 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 4 | PMT | UPCoM | 19/04/2022 | 20/04/2022 | 6/5/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 567 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 5 | REE | HOSE | 19/04/2022 | 20/04/2022 | 29/04/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 6 | KDC | HOSE | 19/04/2022 | 20/04/2022 | 10/5/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 600 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 7 | DM7 | UPCoM | 18/04/2022 | 19/04/2022 | 27/04/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 8 | NHH | HOSE | 14/04/2022 | 15/04/2022 | | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 15,000 đồng/CP | Phát hành thêm |
| 9 | HJS | HNX | 14/04/2022 | 15/04/2022 | 27/04/2022 | Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 10 | SHS | HNX | 14/04/2022 | 15/04/2022 | | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 12,000 đồng/CP | Phát hành thêm |
| 11 | DTV | UPCoM | 14/04/2022 | 15/04/2022 | 27/04/2022 | Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 12 | GTH | UPCoM | 13/04/2022 | 14/04/2022 | 10/5/2022 | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 13 | TVB | HOSE | 13/04/2022 | 14/04/2022 | | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 15,000 đồng/CP | Phát hành thêm |
| 14 | ACG | UPCoM | 13/04/2022 | 14/04/2022 | | Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 2:1 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu |
| 15 | MSN | HOSE | 12/4/2022 | 13/04/2022 | | Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 5:1 | Thưởng cổ phiếu |
| 16 | DC1 | UPCoM | 12/4/2022 | 13/04/2022 | | Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:3 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu |
| 17 | CAT | UPCoM | 8/4/2022 | 12/4/2022 | 28/04/2022 | Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 18 | SDT | HNX | 8/4/2022 | 12/4/2022 | 29/12/2022 | Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 400 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 19 | NSL | UPCoM | 8/4/2022 | 12/4/2022 | 27/04/2022 | Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 450 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 20 | BWA | UPCoM | 6/4/2022 | 7/4/2022 | 12/5/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 450 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 21 | MCC | HNX | 5/4/2022 | 6/4/2022 | 22/04/2022 | Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 350 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 22 | AMV | HNX | 5/4/2022 | 6/4/2022 | | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1000:439, giá 10,000 đồng/CP | Phát hành thêm |
| 23 | LPB | HOSE | 5/4/2022 | 6/4/2022 | | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:21.395, giá 10,000 đồng/CP | Phát hành thêm |
| 24 | QST | HNX | 5/4/2022 | 6/4/2022 | 15/04/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 25 | DBC | HOSE | 5/4/2022 | 6/4/2022 | | Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1 | Thưởng cổ phiếu |
| 26 | NTH | HNX | 5/4/2022 | 6/4/2022 | 22/04/2022 | Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 27 | CCM | UPCoM | 4/4/2022 | 5/4/2022 | 27/05/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 28 | NT2 | HOSE | 4/4/2022 | 5/4/2022 | 18/04/2022 | Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931